Phụ lục 2: Dự toán lập quy hoạch tổng mặt bằng

Công trình: Quy hoạch tổng mặt bằng Khu vực bến bãi cửa khẩu thông minh tại cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị (khu vực mốc 1119-1120)

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 987/QĐ-UBND ngày 29/4/2025 của UBND tỉnh)

STT	Nội dung chi phí	Diễn giải, cách tính	Quy mô (ha)	Đơn giá (đồng)	Hệ số điều chỉnh (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
I	**Khảo sát địa hình**					**47.041.014**	
1	Khảo sát địa hình	LKS				45.200.452	Dự toán-PL1
2	Chi phí giám sát công tác khảo sát	LGS = LKS x 4,072%			4,07	1.840.562	Bảng 2.23 - Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021
II	**Chi phí lập đồ án quy hoạch**	**LQH**				**197.577.900**	
1	Chi phí lập đồ án quy hoạch trước thuế	CPQH = Đơn giá x hệ số điều chỉnh	3,5	281.450.000	65,00	182.942.500	Theo Bảng số 8 Thông tư 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019
2	Thuế giá trị gia tăng (vat)	VAT = CPQH * 8%		182.942.500	8,00	14.635.400	
III	**Chi phí khác**					**52.821.170**	
1	Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch	CPQH x12,3%			12,30	22.501.928	Bảng số 11 - Thông tư 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019
2	Chi phí quản lý nghiệp vụ lập đồ án quy hoạch	CPQH x10,6%			10,60	19.391.905	Bảng số 11 - Thông tư 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019
3	Chi phí tổ chức lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, đại diện cộng đồng dân cư (mức tối thiểu)					5.000.000	Thông tư 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019
4	Chi phí công bố quy hoạch (mức tối đa)	LQH x 3%			3,00	5.927.337	Thông tư 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019
IV	**Chi phí lập hồ sơ quy hoạch theo hệ thống thông tin địa lý GIS**	LQH x 10%			10,00	**19.757.790**	Văn bản số 668/SXD-QHKT&PTĐT ngày 26/4/2022 của Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn
	Tổng dự toán	I+II+III+IV+V				**317.197.874**	
	Làm tròn					**317.198.000**	